

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2026/HS-ST

Ngày: 18-8-2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Bình và ông Trần Ngọc Hoà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ - Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Võ Quốc Trạng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 116/2026/TLST-HS ngày 27/7/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2026/QĐXXST-HS ngày 05/8/2026; đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Đình L**, giới tính: Nam; sinh ngày 02/10/1999 tại tỉnh Gia Lai; CCCD số: 052099011389; Nơi cư trú: **Xóm D, khu phố L** (trước đây là **khu phố T**), **phường Q, tỉnh Gia Lai**; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: **Nguyễn Đình B** và bà: **Lê Thị H**; Vợ: **Trần Ngọc H1**, có 02 người con sinh năm 2017 và 2025; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/3/2026 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm **giam Q1**; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Quốc N**, giới tính: Nam; sinh ngày 08/01/2000 tại tỉnh Gia Lai; CCCD số: 052200007322; Nơi cư trú: **Xóm E, khu phố L** (trước đây là **khu phố T**), **phường Q, tỉnh Gia Lai**; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: **Nguyễn Văn C** và bà: **Phạm Thị X**; Vợ: **Trương Lê Thanh H2**, có 01 người con sinh năm 2026; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2026 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm **giam Q1**; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Huỳnh Nhật T**, giới tính: Nam; sinh ngày 17/8/2001 tại tỉnh Gia Lai; CCCD số: 052201009634; Nơi thường trú: **Xóm E, khu phố L** (trước đây là **khu phố T**), **phường Q, tỉnh Gia Lai**; Chỗ ở hiện nay: **Xóm D, khu phố L** (trước đây là **khu phố T**), **phường Q, tỉnh Gia Lai**; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: **Huỳnh Văn**

T1 và bà: Nguyễn Thị Ngọc C1; Vợ: Nguyễn Trương Ngọc Á, có 01 người con sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2026 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Q1; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Q, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Xóm E, thôn V, xã T, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt);
2. Ông Trần Nguyễn Anh H3, sinh năm 2002; Nơi cư trú: Xóm E, khu phố L (trước đây là khu phố T), phường Q, tỉnh Gia Lai (Có mặt);
3. Bà Trần Ngọc H1, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Xóm D, khu phố L (trước đây là khu phố T), phường Q, tỉnh Gia Lai (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 06/3/2026, Nguyễn Quốc N đến nhà Huỳnh Nhật T, tại xóm D, khu phố T (nay là khu phố L), phường Q, tỉnh Gia Lai chơi. Tại đây, N rủ T mua ma túy về sử dụng nhưng cả hai không có tiền nên thỏa thuận với nhau dùng điện thoại di động hiệu iphone 7 của T đưa cho Nguyễn Đình L giữ làm tin để mua ma túy, N hẹn 03 ngày sau sẽ đưa tiền cho T để lấy lại điện thoại. Đến khoảng 17 giờ 20 phút cùng ngày, T đến nhà L tại xóm D, khu phố T, phường Q, tỉnh Gia Lai hỏi mua 300.000 đồng tiền ma túy “đá” và để lại điện thoại di động hiệu iphone 7 làm tin, hẹn 03 ngày sau sẽ đến trả tiền và lấy lại điện thoại, L đồng ý và lấy ma túy đưa cho T.

Sau khi mua được ma túy, T đem về nhà lấy 01 vỏ chai nhựa nước ngọt bên ngoài có chữ “Number 1”, khoét 02 lỗ trên nắp nhựa (01 lỗ gắn ống thủy tinh, 01 lỗ gắn ống hút nhựa) tạo thành bộ dụng cụ sử dụng ma túy rồi cho số ma túy đã mua được vào cùng với N sử dụng. Tuy nhiên, cả hai chưa sử dụng hết thì bị Công an phường Q, tỉnh Gia Lai kiểm tra phát hiện, bắt quả tang, đưa về trụ sở làm việc. Tại đây, T và N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình làm việc, Nguyễn Đình L khai nhận ngoài lần bán trái phép cho T thì còn 06 lần khác bán trái phép chất ma túy cho Lê Q (sinh năm 1998, trú xóm E, khu phố V, xã T, tỉnh Gia Lai) và Trần Nguyễn Anh H3 (sinh năm 2002, trú xóm E, khu phố T, phường Q, tỉnh Gia Lai). Cụ thể:

- Bán cho Lê Q 04 lần với tổng số tiền đã nhận được là 1.700.000 đồng, thu lợi được số tiền 350.000 đồng:

+ Lần thứ nhất: Khoảng 20 giờ ngày 25/02/2026, Q đến nhà L hỏi mua 200.000 đồng ma túy “đá”, L đồng ý. Sau đó, Q sử dụng tài khoản ví MoMo đăng ký bởi số điện thoại 0334.734.377 của Q chuyển tiền qua tài khoản ví MoMo của L được đăng ký bởi số điện thoại 0364.184.354, nhận ma túy rồi rời đi.

+ *Lần thứ hai*: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 26/02/2026, Q đến nhà L hỏi mua 600.000 đồng ma túy “đá”. Sau khi nhận ma túy, Q sử dụng tài khoản ví MoMo của mình chuyển tiền cho L, nhận ma túy rồi rời đi.

+ *Lần thứ ba*: Khoảng 14 giờ ngày 05/3/2026, Q đến nhà L hỏi mua 300.000 đồng ma túy “đá”. Sau đó, Q sử dụng tài khoản ví MoMo của mình chuyển tiền mua ma túy đến tài khoản Ngân hàng M số 210993979 của L rồi nhận ma túy rồi rời đi.

+ *Lần thứ tư*: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 06/3/2026, Q đến nhà L hỏi mua 800.000 đồng ma túy “đá”, Q không đủ tiền nên thỏa thuận trả trước 600.000 đồng và nợ lại 200.000 đồng, L đồng ý. Sau đó, Q sử dụng tài khoản ví MoMo của mình chuyển 600.000 đồng cho L, nhận ma túy rồi rời đi.

- Bán cho Trần Nguyễn Anh H3 02 lần với tổng số tiền đã nhận được là 450.000 đồng, thu lợi được 150.000 đồng:

+ *Lần thứ nhất*: Khoảng đầu tháng 12/2025, Hoàng liên L1 với L hỏi mua 300.000 đồng ma túy “đá”, L đồng ý và lấy gói ma túy cuộn vào trong tờ giấy bạc dán lên cửa sổ nhà mình rồi nói H3 đến lấy. Sau đó, H3 đến nhà L đưa 300.000 đồng, lấy ma túy rồi rời đi.

+ *Lần thứ hai*: Vào khoảng giữa tháng 12/2025, H3 đến nhà L hỏi mua 150.000 đồng ma túy “đá”, L đồng ý. Sau đó, L lấy gói ma túy giao cho H3 và nhận lấy 150.000 đồng.

Tổng số tiền Nguyễn Đình L đã thu lợi bất chính qua 07 lần bán ma túy là 500.000 đồng.

Về nguồn gốc số ma túy: L khai nhận vào khoảng đầu tháng 12/2025, thông qua bạn bè ngoài xã hội giới thiệu, L đã liên lạc với người có tài khoản Facebook tên “Huỳnh Hải N1” (không rõ lai lịch) hỏi mua 1.500.000 đồng tiền ma túy “đá”, người này đồng ý. Sau đó, L và người này giao ma túy, nhận tiền tại khu vực ngã tư đường N - N, thuộc phường Q, tỉnh Gia Lai. Quá trình điều tra, L không xác định được nhân thân, lai lịch cũng như đặc điểm nhận dạng của người này.

Tại bản kết luận giám định số: 582/KL-KTHS ngày 09/3/2026 của Phòng K Công an tỉnh G, kết luận: Chất rắn màu trắng (ký hiệu A) bám dính bên trong 01 (một) ống thủy tinh gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,0568 gam là (loại) Methamphetamine.

Về vật chứng vụ án: Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đang tạm giữ:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu iphone 7, đã qua sử dụng;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro max, gắn sim số 0364.184.354, đã qua sử dụng;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu tím, gắn sim số 0368.563.475, đã qua sử dụng;

- 01 (một) chai nhựa không chứa nước bên trong, bên ngoài có nhãn hiệu “Number 1”, nắp chai màu đen, trên nắp được đục 02 lỗ (01 lỗ gắn ống hút nhựa màu đỏ);

- 02 (hai) ống hút bằng nhựa, trong suốt, dài 20,5cm, chưa qua sử dụng;

- 02 (hai) túi zip bằng ni lông, kích thước (4,2x7,3)cm, chưa qua sử dụng;

- 01 (một) bình khô ga cầm tay màu trắng có ghi nhãn hiệu “MAZ”;

- Vỏ, bao bì đựng mẫu vật và 01 (một) ống thủy tinh; 0,0316 gam mẫu A còn lại sau giám định (đựng trong một bì thư dán kín niêm phong: dấu tròn “**Phòng K - Công an tỉnh G**”, chữ ký bên giao và bên nhận).

Tại bản Cáo trạng số 73/CT-VKSGLI-KV ngày 27/7/2026 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai truy tố bị cáo **Nguyễn Đình L** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và các bị cáo **Huỳnh Nhật T**, **Nguyễn Quốc N** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các bị cáo **Nguyễn Đình L**, **Huỳnh Nhật T**, **Nguyễn Quốc N** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo Cáo trạng.

Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Đình L** từ 07 năm đến 08 năm tù

- Áp dụng khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc N** từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Huỳnh Nhật T** từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu tiêu huỷ số ma túy còn lại sau giám định và các dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu iphone 7 (đã qua sử dụng) của bị cáo **Huỳnh Nhật T** do sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại cho:

+ Bà **Trần Ngọc H1**: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro max, gắn sim số 0364.184.354 (đã qua sử dụng) do không liên quan đến hành vi phạm tội;

+ Bị cáo **Nguyễn Quốc N**: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu tím, gắn sim số 0368.563.475 (đã qua sử dụng) do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Đề nghị Hội đồng xét xử truy thu số tiền 500.000 đồng là tiền thu lợi bất chính của bị cáo **L** bán ma túy để sung vào ngân sách Nhà nước. Tạm giữ số tiền 700.000 đồng do gia đình bị cáo **Nguyễn Đình L** nộp cho bị cáo, để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo tự bào chữa: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không bào chữa.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh G**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có cơ sở để kết luận:

Đối với bị cáo **Nguyễn Đình L**: Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2025 đến ngày 06/3/2026, bị cáo đã mua ma túy Methamphetamine rồi bán lại cho **Lê Q**, **Trần Nguyễn Anh H3** và bị cáo **Huỳnh Nhật T**, thu lợi bất chính 500.000 đồng. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ ma túy là chất Nhà nước độc quyền quản lý, hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm thu lợi bất chính. Bị cáo đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy từ 02 lần trở lên. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai truy tố bị cáo **Nguyễn Đình L** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, với tình tiết định khung “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với các bị cáo **Huỳnh Nhật T** và **Nguyễn Quốc N**: Ngày 06/3/2026, các bị cáo đã bàn bạc, thống nhất mua ma túy để cùng sử dụng; **T** trực tiếp mua ma túy, cung cấp địa điểm và chuẩn bị dụng cụ sử dụng, còn **N** là người khởi xướng, rủ **T** thực hiện. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Giữa các bị cáo có sự bàn bạc, thống nhất ý chí và cùng thực hiện hành vi phạm tội, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn; trong đó **Nguyễn Quốc N** giữ vai trò khởi xướng, **Huỳnh Nhật T** giữ vai trò thực hành. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai truy tố các bị cáo **Huỳnh Nhật T** và **Nguyễn Quốc N**

về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi mua bán và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng đến sức khỏe, sự phát triển của con người đồng thời ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, nên phải xử phạt nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về nhân thân; tình tiết tăng nặng; giảm nhẹ của các bị cáo thì thấy:

4.1 Về nhân thân: Các bị cáo **Nguyễn Đình L**, **Huỳnh Nhật T**, **Nguyễn Quốc N** có nhân thân tốt, trước đây chưa vi phạm gì.

4.2 Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo **Nguyễn Đình L**, **Huỳnh Nhật T**, **Nguyễn Quốc N** không có tình tiết tăng nặng.

4.3 Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo **Nguyễn Đình L** đã tác động gia đình nộp vào ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính có được từ hành vi bán trái phép chất ma túy và có cha ruột ông **Nguyễn Đình B** là Trung sỹ tham gia kháng chiến, là người có công với cách mạng; Bị cáo **Huỳnh Nhật T** có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, được Hội đồng xét xử xem đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo **L** và bị cáo **T**, nên xem xét giảm một phần hình phạt để các bị cáo an tâm cải tạo tốt.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra hiện thu giữ số ma túy còn lại sau giám định, các dụng cụ sử dụng ma túy (02 ống hút bằng nhựa, 01 chai nhựa, 01 bình khò ga cầm tay), 02 túi zip bằng ni lông, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro max, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với chất ma túy do Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định kể cả các dụng cụ sử dụng ma túy và 02 túi zip bằng ni lông.

- Đối với 01 điện thoại iphone 7 đã qua sử dụng, là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo **Huỳnh Nhật T**. Quá trình điều tra xác định, bị cáo **T** đã dùng điện thoại này đưa cho **Nguyễn Đình L** giữ làm tin để mua 300.000 đồng ma túy “đá”, hẹn 03 ngày sau trả tiền để nhận lại điện thoại. Như vậy, bị cáo **T** đã sử dụng chiếc điện thoại nêu trên làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro max, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định điện thoại này của bà **Trần Ngọc H1** là vợ bị cáo **L**, điện thoại không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại điện thoại đang thu giữ cho bà **H1**.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 quá trình điều tra và tại phiên toà xác định điện thoại này của bị cáo **N**, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo **N**.

[6] Về truy thu sung vào Ngân sách Nhà nước: Bị cáo **Nguyễn Đình L** bán ma túy thu lợi bất chính số tiền 500.000 đồng, nên truy thu bị cáo số tiền 500.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 700.000 đồng (nộp thay cho bị cáo) vào ngân sách Nhà nước, nên tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí: Bị cáo **Nguyễn Đình L** bị kết án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Các bị cáo **Nguyễn Quốc N**, **Huỳnh Nhật T** bị kết án về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” nên buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Về vấn đề khác:

8.1. Quá trình điều tra, bị cáo **Nguyễn Đình L** khai nhận mua ma túy của người sử dụng tài khoản Facebook tên “**Huỳnh Hải N1**”. Tuy nhiên, sau khi mua được ma túy bị cáo đã xóa hết thông tin liên lạc với người này. Đồng thời, bị cáo không biết nhân thân, lai lịch và đặc điểm nhận dạng của người này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh G** không có cơ sở để xử lý.

8.2. Đối với **Trần Nguyễn Anh H3** và **Lê Q** đã có hành vi mua trái phép chất ma túy, loại Methamphetamine từ bị cáo **L** về sử dụng. Hành vi đó của **H3** và **Q** không đủ yếu tố cấu thành tội phạm mà chỉ bị xử lý vi phạm hành chính, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh G** chuyển hồ sơ đến **Công an phường Q**, tỉnh Gia Lai để xử lý là có căn cứ.

[9] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai: Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt các bị cáo trong khung hình phạt đã truy tố và các phần đề nghị khác phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo **Nguyễn Đình L**.*

*Căn cứ khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo **Nguyễn Quốc N**.*

*Căn cứ khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo **Huỳnh Nhật T**.*

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đình L** phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo **Huỳnh Nhật T** và bị cáo **Nguyễn Quốc N** phạm tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đình L** 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2026.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc N** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/3/2026.

- Xử phạt bị cáo **Huỳnh Nhật T** 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/3/2026.

3. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ Vỏ, bao bì đựng mẫu vật và 01 (một) ống thủy tinh; 0,0316 gam mẫu A còn lại sau giám định (đựng trong một bì thư dán kín niêm phong: dấu tròn “**Phòng K - Công an tỉnh G**”, chữ ký bên giao và bên nhận);

+ 01 (một) chai nhựa không chứa nước bên trong, bên ngoài có nhãn hiệu “Number 1”, nắp chai màu đen, trên nắp được đục 02 lỗ (01 lỗ gắn ống hút nhựa màu đỏ);

+ 02 (hai) ống hút bằng nhựa, trong suốt, dài 20,5cm, chưa qua sử dụng;

+ 02 (hai) túi zip bằng ni lông, kích thước (4,2x7,3)cm, chưa qua sử dụng;

+ 01 (một) bình khò ga cầm tay màu trắng có ghi nhãn hiệu “MAZ”;

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu trắng, số Imei: 355826087125299 đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong.

- Trả lại cho:

+ Bà **Trần Ngọc H1**: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro max, màu tím, số Imei: 358057911483897 đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong;

+ Bị cáo **Nguyễn Quốc N**: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu tím, số máy: MWJJ2LL/A, số Imei: 356546108739717, gắn sim số 0368.563.475, đã qua sử dụng.

Theo Lệnh nhập kho vật chứng số 2061/LNK-CSMT ngày 24/7/2026 và Lệnh nhập kho vật chứng số 1519/LNK-CSMT ngày 17/6/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh G**.

- Truy thu bị cáo **Nguyễn Đình L** số tiền 500.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Tạm giữ số tiền 700.000 đồng do gia đình bị cáo **Nguyễn Đình L** nộp để đảm bảo thi hành án cho bị cáo **L** (theo biên lai số 0000272 ngày 31/7/2026 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Gia Lai).

4. Án phí: Buộc các bị cáo **Nguyễn Đình L**, **Nguyễn Quốc N**, **Huỳnh Nhật T** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 1 – Gia Lai;
- Phòng THADS Khu vực 1 – Gia Lai;
- Phân trại tạm giam Quy Nhơn;
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Ngô Đình Hưng

